TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ G** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2023
V/v tranh chấp yêu cầu ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH BẠC LIÊU

- Những người tiến hành tố tụng gồm có:

Thẩm phán: Ông Kiều Song Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Mỹ Phượng và Nguyễn Thành Nhạn

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Giang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:152/2023/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc "tranh chấp yêu cầu ly hôn và nuôi con " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trang Be H, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Khóm 1, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu;

- Bị đơn: Anh Trương Văn D, sinh năm 1984;
Địa chỉ: khóm 1, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị H và anh D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/3/2023 và tại biên bản ghi lời khai ngày 28/3/2023 nguyên đơn chị Trang Be H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh D chung sống với nhau vào năm 2003, hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường H vào năm 2013, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn;

Về con chung: Chị và anh D có với nhau 03 người con chung: Trương Khánh D, sinh ngày 25/9/2004, Trương Vũ D, sinh ngày 02/02/2008 và Trương Tường V, sinh ngày 05/6/2010, hiện nay chị đang trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi 02 người con nhỏ, còn người con lớn đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên không yêu cầu, về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu;

Bị đơn anh Trương Văn D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh D.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G trình bày quan điểm*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với anh Trương Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do là vi phạm quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trang Be H, về hôn nhân Chị H được ly hôn với anh D; Về con chung đề nghị giao các con chung là Trương Vũ D, sinh ngày 02/02/2008 và Trương Tường V, sinh ngày 05/6/2010 cho Chị H tiếp tục nuôi dưỡng; Về tài sản do đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trang Be H yêu cầu ly hôn với anh Trương Văn D, hiện tại anh D cư trú trên địa bàn thị xã G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập anh Trương Văn D đến Tòa án để tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng anh D vắng mặt; Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Anh D và anh D theo quy định tại điểm a,b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến tòa để giải quyết vụ án nên anh D tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, Anh D phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu xin ly hôn, lời trình bày của anh D và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét, giải quyết vụ án.

[3]. Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy trích lục đăng ký kết hôn số 752/TLKH-BS, ngày 06/9/2022, của Ủy ban nhân dân phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu cấp thì có cơ

sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Trang Be H và anh Trương Văn D là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh D yêu cầu được ly hôn với anh D để mọi người tạo dựng cuộc sống riêng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của anh D là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ theo lời trình bày của anh D thì mâu thuẫn của vợ chồng phát sinh từ rất lâu, nguyên nhân không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh D không chăm sóc vợ, con. Vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay, điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh D và anh D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc hôn nhân không đạt được.

Mặt khác anh D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên hòa giải và tham dự phiên tòa nhưng anh D vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện anh D không có thiện chí để Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D đối với anh D.

[4] Về con chung: Anh D xác nhận chị và anh D chung sống với nhau có 03 người con chung: Trương Khánh D, sinh ngày 25/9/2004, Trương Vũ D, sinh ngày 02/02/2008 và Trương Tường V, sinh ngày 05/6/2010, người con lớn hiện đã trưởng thành, còn 02 người con nhỏ hiện anh D đang nuôi dưỡng, khi ly hôn yêu cầu tiếp tục nuôi con và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy anh D và anh D không có tranh chấp về quyền nuôi con, anh D xác định con chung hiện chung sống với chị, để tranh xáo trộn cuộc sống của con chung xét thấy cần thiết giao con chung cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn, anh D không yêu cầu nên không xem xét. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp về việc cấp dưỡng nuôi con thì được xem xét giải quyết thành vụ kiện khác.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau này.

[5] Về tài sản chung: Do anh D khai nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì về tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản thì được xem xét giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] Về nợ chung: Do anh D khai nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì về nợ

chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản thì được xem xét giải quyết thành vụ kiện.

[7] Về án phí: Chị Trang Be H phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trang Be H với anh Trương Văn D.

Chị Trang Be H được ly hôn với anh Trương Văn D. Giấy chứng nhận kết hôn số 101, ngày 14/6/2013 do Ủy ban nhân dân phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu cấp không còn giá trị pháp lý.

2/ Về con chung: Giao các người con: Trương Vũ D, sinh ngày 02/02/2008 và Trương Tường V, sinh ngày 05/6/2010, cho chị Trang Be H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Trương Văn D có quyền và nghĩa vụ thăm con không ai được cản trở.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Trương Văn D cho đến khi chị Trang Be H có yêu cầu.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau này.

4/ Về tài sản chung và nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho chị Trang Be H và anh Trương Văn D bằng một vụ án khác nếu anh, chị có yêu cầu.

5/ Về án phí: Chị Trang Be H chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà anh D đã dự nộp theo biên lai thu số 0014569, ngày 28/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G. Anh D đã nộp đủ án phí.

6/ Quyền kháng cáo: Chị Trang Be H và anh Trương Văn D vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND thị xã G;
- Chi cục THADS thị xã G;
- Các đương sự;
- Phường H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Kiều Song Toàn